

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 26-5-2021
V/v “tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Vĩnh L - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp L, xã O, huyện D, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1970 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị Mỹ U - Sinh năm 1975 (vắng mặt) - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Anh K - Sinh năm 1999 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Vĩnh L trình bày và yêu cầu:

Bà có tham gia 01 dây hụi do ông Nguyễn Văn C làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất, hụi mở ngày 05/4/2019, hụi tháng, 2.000.000 đồng/tháng, 22 phần. Bà tham gia 03 phần (bà hót 02 phần, còn 01 phần chưa hót). Tính đến ngày

05/9/2020, bà đã đóng được 36.000.000 đồng. Bà thiếu hụt chết của ông C 12.000.000 đồng. Như vậy, ông C còn thiếu lại bà 24.000.000 đồng.

Ông C bề hụi nhưng không đóng hụi cho bà. Bà khởi kiện yêu cầu ông C, bà U (vợ ông C) và ông K (con ông C, bà U) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 24.000.000 đồng. Ngày 13/4/2021, Tòa án tiến hành hòa giải ghi nhận sự thỏa thuận: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Vĩnh L số tiền góp hụi 24.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (của người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngày 20/4/2021, bà làm đơn xin thay đổi ý kiến, không đồng ý theo biên bản thỏa thuận. Vì tại biên bản hòa giải ông C, bà U không đưa ra phương án và thời gian trả nợ cho bà.

Nay bà yêu cầu ông C, bà U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 24.000.000 đồng, trả một lần. Bà không yêu cầu đối với ông K.

- Tại bản tự khai ngày 25/3/2021, các văn bản tiếp theo bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Mỹ U trình bày: Ông (bà) thống nhất toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của bà L. Ông (bà) đồng ý trả cho bà U 24.000.000 đồng theo như Biên bản hòa giải thành ngày 13/4/2021, việc thi hành án thực hiện theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Mỹ U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Vĩnh L khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Mỹ U có nơi cư trú tại ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà L không tiếp tục yêu cầu con của ông C, bà U là ông K có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà L là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện.

[4] Xét việc bà L yêu cầu ông C, bà U có nghĩa vụ trả số tiền góp hụi 24.000.000 đồng, trả một lần, Hội đồng xét xử nhận định: về số tiền bà L khởi kiện ông C, bà U thì tại Biên bản hòa giải thành ngày 13/4/2021 ông C, bà U đã đồng ý

trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục ghi nhận ông C, bà U có nghĩa vụ trả cho bà L 24.000.000 đồng tiền góp hội. Việc bà L yêu cầu trả nợ một lần là không có căn cứ. Vì việc thi hành bản án áp dụng Luật thi hành án dân sự để thi hành, cụ thể: “Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự”. Đồng thời, theo quy định của Bộ luật Dân sự thì “Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

[5] Từ các nhận định trên, cần buộc ông C, bà U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền góp hội 24.000.000 đồng.

[6] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[7.1] Bà L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp.

[7.2] Ông C, bà U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 24.000.000 đồng nên có nghĩa vụ liên đới chịu 1.200.000 đồng (24.000.000 đồng x 5%) tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 1 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Vĩnh L về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” đối với ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Mỹ U.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Mỹ U có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Vĩnh L số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Mỹ U có nghĩa vụ liên đới chịu 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Võ Thị Vĩnh L không phải chịu án phí. Trả lại cho bà L 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0009088 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2021). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Gái